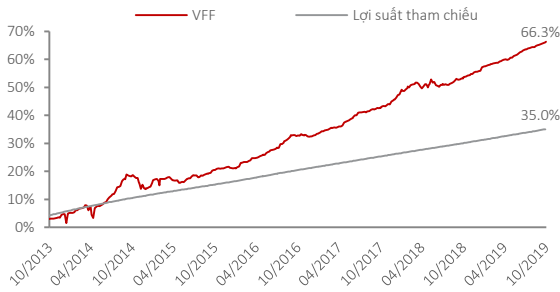


VFF Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập (05/2013 – 10/2019)



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. SE có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Kết quả hoạt động so với lãi suất tham chiếu

	VFF	4 SOCBs 3M deposit ¹	4 SOCBs 12M deposit ²	VCB 12M deposit ³
Tổng Tài Sản (tỷ VNĐ)	106.0			
NAV/CCQ, VNĐ	16,634			
Tăng trưởng NAV⁴				
So với tháng trước	0.7%			
Từ đầu năm	7.0%	4.2%	5.7%	5.6%
Quy thành năm				
2019	8.3%	5.0%	6.8%	6.7%
2018	6.8%	4.7%	6.7%	6.5%
2017	9.9%	4.8%	6.7%	6.5%
2016	9.0%	5.1%	6.6%	6.4%
2015	6.7%	4.7%	6.1%	6.1%
2014	8.8%	5.9%	7.1%	7.0%
2013	6.3%	5.2%	5.8%	5.8%
Từ ngày thành lập	8.0%	5.1%	6.5%	6.4%
Tổng lợi nhuận từ ngày thành lập	66.3%	35.0%	45.0%	44.3%

¹ NAV là lợi nhuận thuần sau khi trừ phí quản lý và chi phí vận hành

² Lãi suất tham chiếu: Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN (VCB, BIDV, Vietin và Agri)

³ Lãi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN

⁴ Lãi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của VCB

Thông tin về Quỹ

Ngày thành lập	01/04/2013
Phí quản lý thường niên	1,2%
Phí phát hành	0,0%
Phí mua lại	<ul style="list-style-type: none"> 2,5% < 12 tháng 1,5% > / = 12 và < 24 tháng 0,75% > / = 24 tháng
Mức đầu tư tối thiểu	VND2.000.000 / ~USD90
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam)
Công ty kiểm toán	PwC Vietnam
Định kỳ giao dịch	Hàng tuần, vào ngày thứ Ba
Lãi suất tham chiếu	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

Chiến lược đầu tư

Phân bổ tài sản

Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

Đầu tư đến 15% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ vào chứng khoán niêm yết có nền tảng tốt, tiềm năng tăng trưởng cao và có tác động ổn định nhằm hạn chế rủi ro khi giá giảm.

Mục tiêu đầu tư

Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.

Giám đốc Quản lý danh mục: Bà Nguyễn Thị Xuân Dung
dung.xuan.nguyen@vinacapital.com

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: jrw@vinacapital.com
 Tel: +84 8 38 27 85 35

Tổng quan về Quỹ

Cấu trúc Quỹ

Quỹ mở Trái phiếu

Mức rủi ro

THẤP

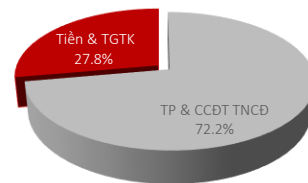
Mức lợi nhuận

THẤP TB CAO

Mức phí

THẤP TB CAO

Phân bổ tài sản



Hiệu quả đầu tư

Giá trị tài sản ròng (GTTSR) trên mỗi chứng chỉ quỹ của VFF đạt 16,634 VNĐ tại thời điểm cuối tháng 10/2019, tăng 0.7% so với tháng trước và 7% tính từ đầu năm. Mức tăng trưởng GTTSR của VFF trong tháng 10 nhờ vào nhập dư vốn đã thực hiện và từ lợi nhuận tích lũy từ các khoản đầu tư trái phiếu và các công cụ thu nhập cố định khác.

Tính đến cuối tháng 10/2019, tổng GTTSR của VFF đạt 106 tỷ đồng (4,6 triệu USD) so với mức 129,7 tỷ đồng (5,6 triệu USD) tại thời điểm cuối tháng 9. Trái phiếu và các khoản đầu tư thu nhập cố định chiếm 72.2% tổng GTTSR và VFF duy trì 27.8% tổng GTTSR của quỹ bằng tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn cho các cơ hội đầu tư mới và đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Thị trường trái phiếu

Thị trường trái phiếu sơ cấp: Kho Bạc Nhà Nước (KBNN) là đơn vị phát hành duy nhất trong tháng 10/2019 với khối lượng phát 8,69 nghìn tỷ VNĐ (0,37 tỷ USD) trái phiếu kỳ hạn từ 5 đến 30 năm, tăng 109.2% so với khối lượng phát hành trong tháng 9.

Lợi suất sơ cấp trái phiếu chính phủ (TPCP) giảm từ 30 đến 58 điểm cơ bản so với tháng trước. Cụ thể, lợi suất TPCP kỳ hạn 7 đến 30 năm giảm 41 – 58 điểm cơ bản trong khi lợi suất trái phiếu kỳ hạn 5 năm giảm 30 điểm.

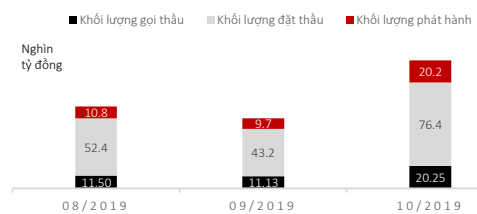
Sau 10 tháng năm 2019, KBNN đã huy động thành công 173,9 nghìn tỷ đồng (7,5 tỷ USD) trái phiếu, hoàn thành 67% kế hoạch trong năm 2019.

Thị trường trái phiếu thứ cấp: Thị trường trái phiếu thứ cấp tháng 10 sôi động hơn so với tháng trước do nhu cầu đầu tư tăng cao từ việc lợi suất giảm. Tổng giá trị giao dịch trong tháng 10 đạt 124,4 nghìn tỷ VNĐ (5,4 tỷ USD) từ mức 102,4 nghìn tỷ VNĐ (4,4 tỷ USD) trong tháng 9 tương đương mức tăng 21.4% so với tháng trước. Do đó, lợi suất trái phiếu chính phủ (TPCP) thứ cấp ghi nhận mức giảm từ 38 đến 66 điểm cơ bản ở các kỳ hạn so với tháng trước. Cụ thể, lợi suất trái phiếu từ 1 đến 3 năm giảm 63-66 điểm, trong khi lợi suất các kỳ hạn dài hơn giảm 38 – 53 điểm.

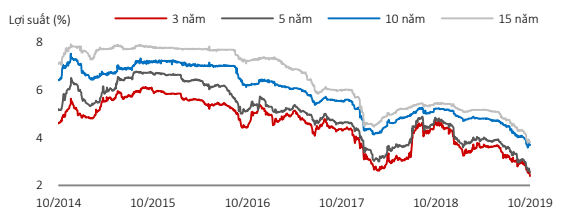
Trong năm 2019, KBNN đạt mục tiêu phát hành 260 nghìn tỷ VNĐ (11,2 tỷ USD) trái phiếu kỳ hạn từ 5 đến 30 năm qua hình thức đấu thầu và chi tiết như sau:

Kỳ hạn	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	20 năm	30 năm	Tổng
Khối lượng, tỷ đồng	40,000	30,000	70,000	78,000	20,000	22,000	260,000

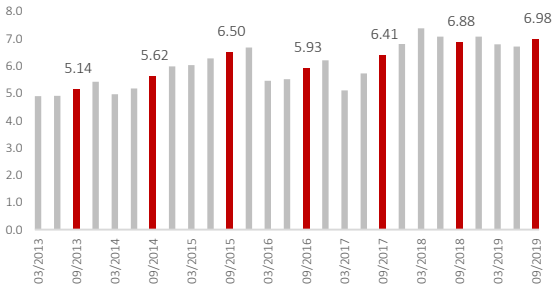
Kết quả đấu thầu trái phiếu sơ cấp



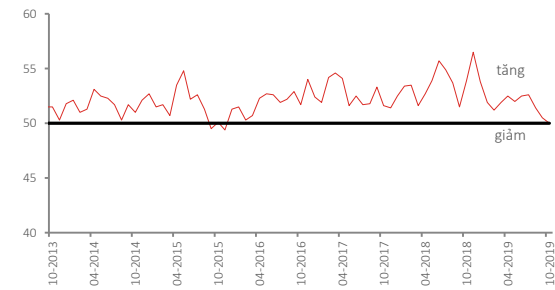
Lợi suất trái phiếu thứ cấp



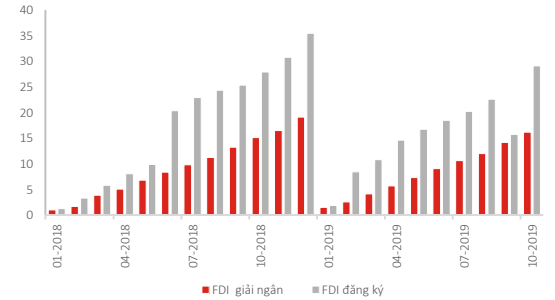
Tăng trưởng GDP theo quý (%)



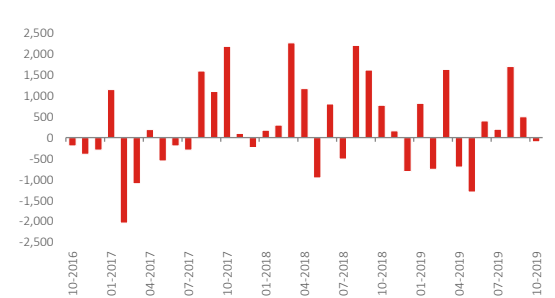
Chỉ số quản trị mua hàng Nikkei (PMI)



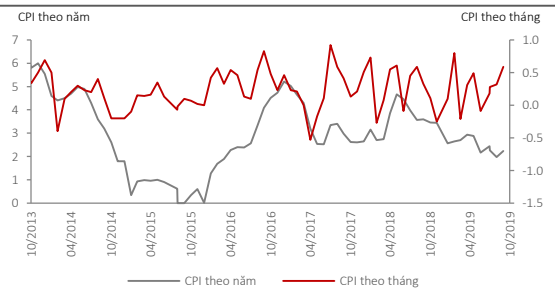
FDI đăng ký và giải ngân, số lũy kế (tỷ USD)



Cán cân thương mại hàng tháng (triệu USD)



Lạm phát theo năm và theo tháng (%)



Nguồn: Bloomberg

Cập nhật thị trường vĩ mô, 10/2019

Lạm phát năm giá tiêu dùng (CPI) của Việt Nam tăng từ 2% trong tháng 9 lên 2,2% tháng 10, do tăng trưởng giá lương thực từ 1,8% lên 2,7%, được thúc đẩy bởi việc tăng giá thịt heo ở mức 8% so với tháng trước trong giai đoạn bùng phát dịch tả lợn Châu Phi (ASF) tại Việt Nam. Như chúng tôi đã đề cập trong các báo cáo tháng trước, dịch ASF tại Việt Nam đến sau Trung Quốc tầm 6 tháng. Giá lương thực tại Trung Quốc tăng 11% do giá thịt lợn tăng 100% so với năm ngoái. Theo đó, chúng tôi tin rằng lạm phát CPI của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng đến đầu năm 2020.

Sự tăng trưởng của doanh số bán lẻ thực tế của Việt Nam, cũng là chỉ số dùng để ước đoán mức độ tiêu dùng (65% trên GDP), tăng nhẹ từ 9.2% trong 9 tháng đầu năm 2019 (9M19) lên đến 9.4% trong 10M19, do tăng trưởng 55% lượng du khách Trung Quốc. Ước tính một phần ba khách du lịch Việt Nam đến từ Trung Quốc, và chúng tôi ước tính rằng khách du lịch đóng góp 10% vào doanh số bán lẻ của Việt Nam. Một nhân tố quan trọng khác đóng góp vào tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2019 là sản xuất (20%/GDP), tăng trưởng 10.8% trong 10M19, giảm nhẹ so với mức 12,7% trong 10M18. Sản xuất giảm một phần là do doanh số điện thoại thông minh toàn cầu giảm khoảng 5% so với cùng kỳ từ 'hiện tượng bão hòa điện thoại thông minh'; doanh số điện thoại thông minh chiếm khoảng 10% giá trị sản xuất của Việt Nam.

Việc doanh số bán điện thoại thông minh, cùng với tăng trưởng kinh tế thế giới có phần chậm lại dẫn đến việc chỉ số quản lý mua hàng (PMI) của Việt Nam giảm từ 50,5 trong tháng 9 xuống còn '50' trong tháng 10, phá vỡ ngưỡng trên 50 trong vòng 4 năm qua. Tuy vậy, cơ sở công nghiệp của Việt Nam tiếp tục được hỗ trợ từ khoảng giải ngân đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng 7% so với cùng kỳ lên đến 16 tỷ USD trong 10M19. Khoảng FDI đăng ký mới giảm 15% xuống còn 18 tỷ USD, tuy nhiên khoản giảm này là do số vốn FDI trị giá 10 tỷ USD trong tháng 6/2018, bao gồm cả dự án bất động sản trị giá 4,1 tỷ USD tại Hà Nội.

Trái ngược với sự sụt giảm đó, vốn FDI đăng ký của Trung Quốc tăng mạnh 200% ở mức 3,2 tỷ USD trong 10M19, là do các công ty tìm cách lách thuế quan từ Hoa Kỳ lên hàng hóa Trung Quốc. Một hệ quả khác của chiến tranh thương mại là việc xuất khẩu Việt Nam sang Hoa Kỳ tăng 27%, và đồng thời là việc tăng trưởng 36% tháng dự thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ ở mức 38 tỷ USD. Sự gia tăng xuất khẩu sang Mỹ thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu ở mức 7% trong 10M19. Trong khi đó, thặng dư thương mại của Việt Nam gần như không thay đổi ở mức 7 tỷ USD trong cả 10M19 và 10M18, theo ước tính ban đầu của Tổng Cục Thống Kê.

Giá trị đồng Việt Nam không thay đổi trong tháng và mức giá không chính thức tăng nhẹ 0.3%. Giá trị tiền tệ được hỗ trợ bởi tình hình vĩ mô tích cực và việc công bố của Ngân hàng Nhà nước tăng 14 tỷ USD dự trữ ngoại hối lên đến 73 tỷ USD, tương đương hơn ba tháng giá trị nhập khẩu.

Cuối cùng, lãi suất liên ngân hàng trong hệ thống ngân hàng Việt Nam dao động khoảng 2% trong tháng, làm cho lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm giảm xuống còn 3,7%. Tuy nhiên, mức lãi suất mà các ngân hàng thương mại nhỏ trả cho người gửi tăng thêm 20 điểm cơ bản trong tháng, do việc thắt chặt các quy định thận trọng về nợ (ALM) sắp diễn ra. Các ngân hàng nhỏ hơn đang trả lãi suất trên 8% cho tiền gửi kỳ hạn 1 năm, hoặc khoảng 5% lãi suất thực (điều chỉnh theo mức lạm phát), là một kênh đầu tư tin cậy so với thị trường chứng khoán cho người tiết kiệm, điều này góp phần giải thích cho việc chỉ số VN-index cuối tháng gần như không thay đổi.

Chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

		10/2019	09/2019	2018A	2019F
GDP	% y/y	N/A	6.98	7.08	6.60 - 6.80
PMI		50	50.5	53.8	
CPI, bình quân	% y/y	2.24	1.98	3.45	3.57
Cán cân thương mại, lũy kế	USD tỷ	7.05	5.87	7.78	6.81
Nhập khẩu	% y/y	7.8	8.9	11.58	13.70
Xuất khẩu	% y/y	7.4	8.2	14.24	14.42
FDI, Đăng ký	USD tỷ	29.10	15.77	35.46	
FDI, Giải ngân	USD tỷ	16.2	14.20	19.10	
Dự trữ ngoại hối	USD tỷ	67.00	67.00	60.00	65.00
USD/VND	VND	23,202	23,203	22,655	23,880

Số liệu dự báo được tổng hợp từ SSI Research

Ghi chú quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Các thông tin trong tài liệu này không có bất kỳ hàm ý hay chỉ dẫn nào đã được phê duyệt bởi bất kỳ cơ quan có thẩm quyền. Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga giảm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.

Không có bất kỳ sự cam đoan, cam kết, bảo đảm hoặc chắc chắn nào dù là rõ ràng hay ngụ ý được đưa ra bởi hoặc thay mặt Công ty hoặc các giám đốc, nhân viên, đối tác, người lao động, đại lý hoặc bên tư vấn hoặc bất kỳ người nào khác về sự chính xác hoặc hoàn chỉnh của những thông tin và ý kiến nêu ra tại đây và những người noi trên cũng sẽ không có bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào đối với những thông tin hoặc ý kiến này hoặc đối với bất kỳ lỗi, thiếu sót, tuyên bố sai, bất cẩn hoặc vấn đề nào khác đối với bất kỳ thông tin liên lạc nào bằng văn bản hoặc bằng cách khác.

Những thông tin này không được sao chép, chuyển giao lại cho bất kỳ người nào hoặc phát hành toàn bộ hoặc một phần vì bất kỳ mục đích gì. Thông qua việc chấp nhận văn bản này, Quý khách hàng đồng ý bị ràng buộc bởi những hạn chế nêu trên.

Không có trạng nào hoặc bản sao nào được thực hiện hoặc chuyển đi hoặc giao trong phạm vi bất kỳ quyền tài phán nào nơi mà việc chuyển giao những tài liệu đó bị cấm theo luật chứng khoán hiện đang áp dụng. Việc không tuân thủ những hạn chế này có thể dẫn đến việc vi phạm luật chứng khoán quốc gia.